

QUAN HỆ THƯƠNG MẠI CỦA ĐÀNG TRONG VỚI NGƯỜI HOA THẾ KỶ XVI-XVIII

NGUYỄN TRỌNG VĂN*
MAI PHƯƠNG NGỌC**

Năm 1558, họ Nguyễn đến lập nghiệp trên vùng Thuận Hoá, một vùng đất "Ô châu ác địa", trên một diện tích nhỏ hơn rất nhiều so với họ Trịnh, với những cư dân có truyền thống văn hoá mang nhiều điểm khác biệt so với người Việt. Thế nhưng, chính trong bối cảnh ấy, họ Nguyễn không chỉ tồn tại được trên vùng đất mới, đẩy lui được những cuộc tấn công của họ Trịnh trong suốt gần nửa thế kỷ, mà còn mở rộng lãnh thổ xuống phía Nam, phát triển kinh tế, xã hội. Có được diện mạo đó, chúa Nguyễn đã lựa chọn một con đường mà chính các chúa Nguyễn cũng chưa có nhiều kinh nghiệm: đặt cược thể chế của mình vào sự hưng vong của kinh tế ngoại thương (1). Trong số các thương nhân đến buôn bán ở Đàng Trong các thế kỷ XVI - XVIII, người Hoa và người Nhật đóng vai trò chính yếu. Song sự giao thương với người Nhật chỉ diễn ra mạnh mẽ cho đến gần giữa thế kỷ XVII, khi Nhật Bản thực thi chính sách đóng cửa đất nước, còn đối với người Hoa, việc buôn bán của họ không chỉ kéo dài mà còn để lại dấu ấn đậm nét

đối với sự phát triển của vùng đất Đàng Trong suốt các thế kỷ sau này.

1. Sách *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn có ghi lại lời kể của một Hoa thương họ Trần cho biết: "Phàm hoá vật sản xuất ở các phủ Thăng Hoa, Điện Bàn, Quảng Ngãi, Qui Nhơn, Bình Khang và dinh Nha Trang, đường thủy đường bộ, đi thuyền đi ngựa, đều hội tập ở phố Hội An, vì thế người khách phương Bắc đều đến tụ tập ở đây để mua về nước" (2). Điều đó cho thấy luồng buôn bán tấp nập giữa Đàng Trong với các thuyền buôn người Hoa mà tâm điểm buôn bán tại Hội An. Thống kê số thuyền người Hoa từ các nước Đông Nam Á đến Nhật vào các năm từ 1647 đến 1720 cho thấy có 203 thuyền, chiếm khoảng 30%, là thuyền đến từ Quảng Nam (3). Như vậy, Đàng Trong đã trở thành nơi trung chuyển trong việc giao thương giữa Trung Hoa và Nhật Bản. Trong các thập niên 1740 - 1750, số thuyền Trung Hoa buôn bán với Đàng Trong đã tăng lên 80 thuyền mỗi năm, không kể các tàu từ Macao, Batavia và Pháp. Đến nỗi, Sápman phải thốt lên

* PGS.TS. Đại học Vinh

** Đại học Vinh

rằng: “Như vậy, từ lâu năm nay, Trung Quốc đã thu hút tất cả các tiền bạc trên đời, người Âu Tây cũng như Á Đông. Số thuyền hàng năm đi đến Đàng Trong chứng tỏ rất nhiều là sản vật của số này rất được ưa chuộng ở Trung Quốc” (4).

Về các thứ hàng mua ở Quảng Nam đem đi Quảng Đông, Lê Quý Đôn chép: “Thủ bảo nói cho biết tên các hàng và giá bình thường vẫn mua thì hẳn nói: ‘Tục ở Quảng Nam gọi 100 cân là 1 tạ, cau thì 3 quan 1 tạ, hồ tiêu thì 12 quan 1 tạ, đậu khấu 5 quan, tô mộc (gỗ vang) 6 quan, hạt sa nhân 12 quan, thảo quả 10 quan, ô mộc (gỗ mun) 6 quan, hồng mộc 1 quan, hoa lê mộc (gỗ trác) 1 quan 2 tiền, tê giác 500 quan, yến sào 50 quan, gân hươu 15 quan, vây cá 40 quan, tôm khô 6 quan, rau biển 6 quan, ốc hương 12 quan, dôi mỗi 180 quan, ngà voi 40 quan, ba la ma 12 quan, đường phèn 4 quan, đường trắng 2 quan, còn các thứ hoạt thạch, sắt, phấn kẽm, hải sâm và mấy trăm vị thuốc nam không thể kể xiết. Đến như kì nam hương thì 120 quan 1 lạng, vàng thì 180 quan 1 hốt, tơ lụa thì 3 quan 5 tiền 1 tấm. Còn nhục quế, trầm hương, trân châu rất tốt, giá cao hạ nhiều không nhất định. Gỗ tử đàn cũng có, nhưng không tốt bằng của Xiêm La” (5). Các lái buôn Trung Quốc đã tìm thấy ở Đàng Trong nguồn hàng đáp ứng cho nhu cầu của sự giao thương, đó là điều đã kích thích họ tham gia trao đổi, buôn bán: “từ Quảng Nam về thì các hàng không món gì không có, các nước phiên không kịp được... dù trăm chiếc tàu to chở cùng một lúc cũng không hết được” (6). Sản vật của Đàng Trong phong phú thuận tiện cho việc trao đổi và phát triển thương nghiệp. Poavơ trong chuyến đi đến Đàng Trong vào giữa thế kỉ XVIII đã rất hứng thú với tơ lụa ở đây. Theo ông thì so với Trung Quốc, tơ lụa Đàng Trong hơn hẳn về

phẩm chất và độ tinh tế, người Trung Quốc thu mua rất nhiều và có thể thu lãi được từ 10 đến 15%. Nghề làm đường cũng rất phát triển ở Đàng Trong. Đường trở thành một hàng hoá bán được rất nhiều và người Trung Quốc có thể thu được lãi từ 30 đến 40% khi bán mặt hàng này (7).

Về các mặt hàng Trung Quốc đem đến Đàng Trong, *Phủ biên tạp lục* ghi “Lại hỏi: ‘Các thứ hàng từ Trung Quốc mang đến thế nào? Đến đây gián hoặc có ế hàng không?’” Hẳn nói: “Bán đi chạy lăm, hàng bán nhiều lời, không có ế đọng. Hàng mang đến thì sa, đoạn, gấm, vóc, vải, các vị thuốc, giấy vàng bạc, hương vòng, các thứ đồ giấy, kim tuyến, ngân tuyến, các thứ phẩm, y phục, giấy tốt, nhung, đơ ra, kính, pha lê, quạt giấy, bút, mực, kim, cúc áo, các thứ bàn ghế, các thứ đèn lồng, các thứ đồ đồng, các thứ đồ sứ đồ sành; đồ ăn uống thì các loại như lá chè, cam, chanh, lê, táo, hồng, bánh, miến, bột mì, trám muối, đậu thái, trứng muối, tương gừng, tương ngọt, đậu phụ, rau kim châm, mộc nhĩ, nấm hương, kẻ có người không, cùng nhau đổi chác, không ai là không thoả được sở thích” (8). Lê Quý Đôn cũng ghi lại, do Đàng Trong không có mỏ đồng nên phải mua đồng của Trung Hoa và Nhật Bản: “Hai xứ Quảng Nam và Thuận Hoá không có mỏ đồng, nước Nhật Bản xuất đồng đỏ, mỗi năm thuyền họ đến thì khiến thu mua, mỗi 100 cân giá tiền 45 quan. Còn như các tàu Thượng Hải, Phúc Kiến, Quảng Đông có chở đồng đỏ sang thì cũng phải khai báo để theo giá mà mua, sau khi nhà nước mua mới cho các tàu mua bán” (9).

Điều kiện trước tiên của sự buôn bán chính là hàng hóa. Người Hoa không chỉ thấy ở Đàng Trong một nơi cung cấp nguồn hàng giàu có mà còn tìm được ở đó một thị trường tiêu thụ lớn do người Đàng Trong

cũng ưu thích những sản phẩm Hoa thương đem lại. Nhờ đảm bảo yêu cầu đầu tiên đó nên sự trao đổi buôn bán hàng hoá đã diễn ra nhộn nhịp giữa Hoa thương và Đàng Trong trong các thế kỉ XVI - XVIII.

2. Thương nhân người Hoa là những người giỏi buôn bán, đến độ M.De la Bissachiere phải thừa nhận: "Họ khôn khéo và tích cực đến nỗi họ làm giàu nhanh chóng hơn hẳn thương nhân bản xứ" (10). Không chỉ tham gia vào việc trực tiếp trao đổi hàng hoá, Hoa thương còn đóng vai trò "môi giới" trong các cuộc buôn bán với thương nhân người Việt và người nước khác. Vì thế, sau khi chính quyền Edo thực hiện chính sách đóng cửa đất nước năm 1639, thuyền buôn của Nhật Bản không thể xuất dương tiến hành giao thương thì việc buôn bán ở Đàng Trong hầu như nằm trong tay người Hoa. Số lượng Hoa thương ở Đàng Trong khá đông đảo. Ngay từ cuối thế kỉ XVI, đầu thế kỉ XVII, ở vùng Thuận Quảng đã hình thành nhiều khu phố của người Hoa sầm uất, nhộn nhịp: Thanh Hà ở Phú Xuân, phố Khách ở Hội An. Thích Đại Sán, một nhà sư Trung Quốc đã viết về khu phố của người Hoa vào cuối thế kỉ XVII: "Hội An là một mã đầu (bến tàu) lớn, nơi tập hợp của khách hàng các nước... chủ phố thấy đều người Phúc Kiến, vẫn ăn mặc theo lối tiền triều (nhà Minh)" (11).

Có một điểm cũng phải chú ý rằng, do những biến động của tình hình chính trị ở Trung Quốc, đặc biệt vào giữa thế kỉ XVII, khi nhà Mãn Thanh lật đổ triều Minh, thống trị Trung Quốc, rất nhiều người Hoa Nam đã bỏ chạy sang nước ta ở cả Đàng Trong lẫn Đàng Ngoài. Lực lượng di dân này sau khi lưu trú đã tham gia chủ yếu làm nghề buôn bán. Họ là những người đã có đóng góp trong việc kiến tạo diện mạo cho

nhiều phố xá. Có thể kể đến Nông nại đại phố mà Trần Thượng Xuyên và thuộc hạ của ông xây dựng nên - đó là một thị trấn "thuần túy tính chất thương nghiệp" - "Phố lớn Nông Nại. Ở đầu phía Tây bãi Đại Phố. Khi mới khai thác Trần Thượng Xuyên tướng quân chiêu tập lái buôn người Trung Quốc lập ra phố xá, nhà ngói tường vôi lầu cao vót mấy tầng, rợp rờ bên sông dưới ánh mặt trời, liên tục năm dặm, mở vạch ba đường phố. Phố lớn lát đường đá trắng, phố ngang lát đường đá ong, phố nhỏ lát đường đá xanh, đường bằng như đá mài, khách buôn họp đông thuyền biển thuyền sông, tránh gió bão neo, lớn nhỏ sát nhau là một nơi đại đô hội. Nhà buôn to giàu chỉ ở đây là nhiều" (12). Nghiên cứu của Trần Kinh Hoà cũng chỉ ra rằng "Xã Minh hương là thôn xóm đặc biệt do người Minh thời cuối Minh đầu Thanh di về phía Nam tới Hội An (Faifo) Trung Kỳ lập nên. Họ lập vào trước sau năm 1650. Mặt khác tên xã Thanh Hà hiển nhiên là lấy theo Thanh Hà phố ở bờ sông Hương giang phía bắc thành Thuận Hoá. Phố này cũng lập nên cho những thương nhân người Minh di xuống phía Nam vào khoảng trước sau năm 1640, là cảng khẩu và khu thương nghiệp của Thuận Hoá thế kỉ 17, 18. Có rất nhiều dấu tích khiến người ta suy ra rằng những khu mới mở như Đồng Nai, Sài Gòn đã thu hút của Minh hương xã ở Hội An và Thanh Hà xã ở Thuận Hoá rất nhiều thương nhân người Hoa và con cháu người Hoa xuống phía nam buôn bán hoặc khai thác, cho đến khi chúa Nguyễn lập phủ Gia Định, bèn lấy những tên của quê quán mình mà đặt cho những thôn xã mới lập" (13). Điều đó cho thấy thương nhân người Hoa di dân đến vùng đất Đàng Trong với một lực lượng khá đông đảo, họ đóng góp to lớn trong việc phát triển thương nghiệp, khai thác vùng đất mới.

3. Xứ Đàng Trong có nhiều điều kiện thuận lợi cho sự giao thương. Ở đây, thổ sản dồi dào, “còn về hải cảng thì thật là lạ lùng, chỉ trong khoảng hơn một trăm dặm một chút mà người ta đếm được hơn sáu mươi cảng, tất cả đều rất thuận tiện để cập bến và lên đất liền. Là vì ở ven bờ có rất nhiều nhánh biển lớn. Hải cảng đẹp nhất, nơi tất cả người ngoại quốc đều tới và cũng là nơi có hội chợ danh tiếng chính là hải cảng thuộc tỉnh Quảng Nam” (14). Người dân xứ Đàng Trong với truyền thống văn hoá mang nhiều nét khác biệt so với Đàng Ngoài: “họ dễ dàng cho người ngoại quốc vào hải cảng của họ và họ thích thú thấy người ta buôn bán trong lãnh thổ của họ” (15). Với Hoa thương, họ còn nhận thấy vị trí tiện lợi của Đàng Trong trong việc buôn bán: “từ phủ Quảng Châu do đường biển đến trấn Thuận Hoá, được gió thuận thì chỉ ba ngày ba đêm, vào cửa Eo, đến phố Thanh Hà ở Phú Xuân, vào cửa Đại Chiêm, đến phố Hội An ở Quảng Nam cũng thế. Từ Quảng Châu đến trấn Sơn Nam còn gần hơn, chỉ 1 ngày 2 đêm” (16). Với vị trí ấy nên từ khi vua Mục Tông nhà Minh sau hơn 200 năm đóng cửa, cho thương nhân được xuất dương buôn bán vào năm 1567, nhưng lại chỉ giới hạn trong phạm vi với các nước Đông Nam Á mà thôi, đã biến Đàng Trong trở thành một vị trí lí tưởng cho vai trò trung chuyển trong mối quan hệ giữa người Hoa và Nhật Bản.

Song, một trong những nguyên nhân quan trọng đưa tới sự phồn thịnh trong quan hệ buôn bán giữa Đàng Trong và người Hoa chính là những chính sách của chúa Nguyễn đối với việc giao thương nói chung và với thương nhân người Hoa nói riêng.

Cristophoro Borri khi đến Đàng Trong vào thế kỉ XVII đã nhận xét rằng: “Chúa

Đàng Trong không đóng cửa trước một quốc gia nào, ngài để cho tự do và mở cửa cho tất cả người ngoại quốc... Phương châm của người Đàng Trong là không bao giờ tỏ ra sợ một nước nào trên thế giới. Thật là hoàn toàn trái ngược với vua Trung Hoa, ông này sợ tất cả, đóng cửa không cho người ngoại quốc vào và không cho phép buôn bán trong nước ông” (17). Chính sách cởi mở đó của chúa Nguyễn đã tạo điều kiện rộng rãi cho sự giao thương. Đối với thương nhân người Hoa, chúa Nguyễn còn có nhiều chính sách khuyến khích và bảo trợ buôn bán.

Về lệ thuế, so với tàu phương Tây và Nhật Bản thì tàu Trung Hoa được giảm nhẹ hơn rất nhiều. *Phủ biên tạp lục* chép: “Xét lệ thuế do lệnh sử tàu cũ là Võ Chân Đại kê khai thì tàu Thượng Hải lệ thuế đến là 3000 quan, thuế về là 300 quan, tàu Quảng Đông lệ thuế đến là 3000 quan, thuế về là 300 quan, tàu Phúc Kiến lệ thuế đến là 2000 quan, thuế về là 200 quan, tàu Hải Nam lệ thuế đến là 500 quan, thuế về là 50 quan, tàu Tây Dương lệ thuế đến là 8000 quan, thuế về là 800 quan, tàu Mã Cao lệ thuế đến là 4000 quan, thuế về là 400 quan, tàu Nhật Bản lệ thuế đến là 4000 quan, thuế về là 400 quan” (18). Ngoài ra, nếu “Thuyền gặp gió bão bị phá hỏng, thì xét xem số khách, cai bạ giao cho hội quán trông giữ, cấp phát tiền nhà nước, lương tháng mỗi người 5 tiền, đợi khi thuận gió thì cho phụ theo các thuyền mà về nước Đường” (19). Sử cũ còn ghi lại sự kiện tháng 7 năm 1682, một thương thuyền Quảng Đông khi rời Cao Miên về nước, qua mặt bể phụ cận Quảng Nam đã bị cướp mất cả hàng lẫn thuyền, thương khách phải chạy về lưu trú tại Hội An. Chúa Nguyễn đã tìm cách lấy lại chiếc thuyền và thương khách có thể trở về Quảng Đông trong

tháng sáu năm sau. Năm 1683, một chiếc thuyền của Hoa kiều gặp nạn tại quần đảo Nam Sa, thuyền bị chìm, chỉ còn 76 thương khách và thủy thủ thoát được về tới Quảng Nam. Chúa Nguyễn cũng đã cho họ bạc, giúp họ mua thuyền và triệu tập thương khách để thực hiện tiếp hành trình (20).

Chúa Nguyễn còn sử dụng người Hoa trong việc quản lý giao thương. Vì người Hoa có kinh nghiệm trong buôn bán nên chúa Nguyễn giao cho họ nhiều chức quan trong Tàu vụ ty như kiểm soát ngoại thương, thu thuế thương thuyền, cứu giúp thuyền ngoại quốc bị gió bão trôi dạt hay nghiệm xét cân lường, định giá, làm thông ngôn cho các tàu Trung Quốc và ngoại quốc. Chúa Nguyễn đã miễn cho họ các thứ sưu dịch, sưu sai, quét chợ và tuần dò. Bên cạnh đó, những khu phố được dành cho người Hoa để họ thuận tiện trong buôn bán cũng là một trong những minh chứng cho chính sách ưu đãi của các chúa Nguyễn.

4. Chính sự giao thương đó đã đem lại nguồn lợi lớn cho các chúa Nguyễn và đất Đàng Trong: “Chúa thu được lợi nhuận lớn trong việc buôn bán này bằng thuế hàng hoá và thuế hải khẩu ngài đặt ra và cả nước đều kiếm được rất nhiều mỗi lợi không thể tả xiết” (21). Ghi chép của sử cũ cho thấy: “Năm Tân Mão, tàu buôn các xứ đến Hội An 16 chiếc, tiền thuế là 30 800 quan; năm Nhâm Thìn 12 chiếc, tiền thuế là 1 vạn 4 300 quan; năm Quý Tỵ 8 chiếc, tiền thuế là 13 200 quan” (22). Chính nguồn thu này đã đóng phần chính yếu để làm cho Đàng Trong có thể được như Lê Quý Đôn nhận định “đại khái thu vào đủ cung chi ra”. Cũng nhờ sự giao thương mà đời sống của người dân Đàng Trong dường như dễ chịu hơn rất nhiều so với Đàng Ngoài và mảnh đất Đàng Trong trở thành niềm mơ ước của những cư dân đang xiêu

tán vì đói nghèo. Theo Lê Quý Đôn ghi lại “Quan viên lớn nhỏ không ai là không nhà cửa chạm gọt, tường vách gạch đá, the màn trướng đoạn, đồ đạc đồng thau, bàn ghế gỗ đàn, gỗ trắc, chén mâm đồ sứ, đồ hoa yên cương vàng bạc, y phục gấm vóc, chiếu đệm mây hoa, phủ quý phong lưu, đua nhau khoe đẹp. Những sắc mực ở dân gian cũng mặc áo đoạn hoa bát ty và áo sa, lương, địa làm đồ mặc ra vào thường, lấy áo vải áo mộc làm hồ thẹn. Binh sĩ đều ngồi chiếu mây, dựa quả tựa hoa, ôm lò hương cổ, hăm chè hảo hạng, uống chén sứ bịt bạc và nhổ ống nhổ thau, đĩa bát ăn uống thì không cái gì là không phải hàng Bắc, một bữa cơm ba bát lớn. Đàn bà con gái thì đều mặc áo the và hàng hoa, thêu hoa ở cổ tròn. Coi vàng bạc như cát, thóc gạo như bùn, xa xỉ rất mực” (23).

5. Lập nghiệp trên vùng đất mới, chúa Nguyễn đã có một lựa chọn chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Sự lựa chọn đó đã đưa tới sự phồn thịnh của nền ngoại thương trong một giai đoạn đặc biệt và “Điều đáng chú ý là, quá trình xây dựng chính thể của chúa Nguyễn cũng tương hợp với thời kì hoàng kim trong quan hệ hải thương châu Á... Trong lịch sử Việt Nam, chưa bao giờ nền kinh tế hải thương lại có quan hệ rộng mở, đa dạng và phát triển cường thịnh như giai đoạn thế kỉ XVI - XVII. Hầu hết các cường quốc kinh tế bấy giờ đều đến và thiết lập quan hệ trao đổi, buôn bán với Đàng Trong” (24).

Cũng cần phải thấy rằng, chính sách ngoại thương của các chúa Nguyễn vẫn còn nhiều điểm bất cập, khi thủ tục lễ báo tin trở thành một nghi thức quan trọng, rườm rà khiến cho nhiều tàu buôn cảm thấy phiền hà. Rồi chúa Nguyễn lệnh muốn mua thứ gì thì chỉ cần phái cho quan cai tàu cứ chiếu theo bản kê khai đem nộp cho kho

đem đi trao đổi. Chính sách trưng tập thợ khéo của chúa Nguyễn cũng hạn chế sự phát triển của các ngành tiểu thủ công nghiệp, ảnh hưởng tới sự giao thương. Poavơơ đã rất bất ngờ khi tại sao tơ lụa của Đàng Trong vốn có chất lượng rất tốt, nhưng những tấm vải lại có nhiều lỗi và thậm chí có khi còn thô cứng. Hỏi ra mới biết những người thợ Đàng Trong hoàn toàn có thể làm theo những mẫu mã đẹp, song họ đã cố tình dệt những tấm lụa có lỗi để chúa không thể trưng tập họ làm việc phục vụ cho riêng nhà chúa. Đối với Hoa thương, sự ưu đãi của chúa Nguyễn còn bao gồm cả việc cho họ được quyền thu thuế và đúc tiền giả, khiến Hoa thương có thể lũng đoạn thị trường Đàng Trong. Vì vậy tàu buôn các nước khác gặp nhiều trở ngại trong buôn bán và họ dần trở nên thưa thớt qua lại. Cũng phải thừa nhận rằng, một trong những nhân tố kích thích các chúa Nguyễn tích cực thực hiện việc giao thương là do nhu cầu cho cuộc chiến tranh với họ Trịnh ở Đàng Ngoài. Bởi thế mà sau cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn, chúa Nguyễn không còn mặn mà với các công ty tư bản như trước, nền hải thương của Đàng Trong cũng không còn rộng mở như hồi thế kỉ XVI và nửa đầu thế kỉ XVII. Điều đó cho thấy việc phát triển ngoại thương không phải chỉ xuất phát từ nhu cầu mang tính chất nội tại của nền kinh tế và cũng như vậy, có lẽ không hẳn rằng vị chúa Nguyễn nào cũng có được "... chủ trương mở rộng và đẩy mạnh quan hệ hải thương đó cho thấy tầm nhìn chiến lược của các chúa Nguyễn trong việc nắm bắt xu thế phát triển của thời đại" (25).

Đã đành là như vậy, nhưng cũng thật khó để đòi hỏi các chúa Nguyễn có thể làm được nhiều hơn thế. Các chúa Nguyễn đã là

những người đi đầu mở ra nền ngoại thương phát triển, một hiện tượng duy nhất cho đến trước khi nước ta bị thực dân phương Tây xâm lược. Tác giả Huỳnh Công Bá đã chỉ ra rằng "cũng không phải ngẫu nhiên mà các chúa Nguyễn lại có tư tưởng phóng khoáng như thế. Chính là do cả một trào lưu hội nhập văn hoá Việt - Chăm từ phía nhân dân tác động tới" (26). Mảnh đất Đàng Trong, nơi Khổng giáo không còn giữ được vị thế độc tôn của nó, đã hứa hẹn rất nhiều đối với sự phát triển của những lực lượng mới, xu thế mới. Song, cũng không phải dễ dàng để các chúa Nguyễn, từ người khởi nghiệp là chúa Nguyễn Hoàng, vượt qua được sự "giám hãm của nền văn hoá Thăng Long, bởi cái khuôn "mô phạm" chính thống của nó" (27) để vươn lên thực thi một chính sách rộng mở với sự giao thương. Phải hiểu bao sự khởi đầu gian nan mới thêm trân trọng công sức của những con người đã tạo nên kì tích ấy.

Nhiều học giả đã chỉ ra rằng tính năng động và mềm dẻo của các chúa Nguyễn thật thích hợp với việc phát triển xã hội Đàng Trong khi họ cởi mở hơn trước các cơ hội từ bên ngoài và có tính hướng ngoại hơn so với đối thủ của họ là họ Trịnh ở phương Bắc. Bởi thế, "Đàng Trong, ra đời trong nội chiến, biến mất trong nội chiến, nhưng Đàng Trong đã định hình lại Việt Nam trong mọi quy mô có thể" (28). Và như vậy, việc nghiên cứu về những mối quan hệ giao thương của các chúa Nguyễn còn để lại cho chúng ta nhiều suy ngẫm về những bài học trong công cuộc xây dựng đất nước hôm nay.

(Xem tiếp trang 79)

CHÚ THÍCH

- (1). Philippe Papin. *Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp với việc nghiên cứu Việt Nam*. Tạp chí *Xưa và Nay*, số 45, tháng 11-1997, tr. 7.
- (2). Trần Duy. *EFEO - Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp*, Hà Nội, 2003, tr. 4-5.
- (3). Dẫn theo Nguyễn Văn Trường. *Kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Trường Viễn Đông Bác Cổ*. Tạp chí *Xưa và Nay*, số 78B (8-2000), tr. 35.
- (4). Dẫn theo Nguyễn Văn Trường. *Kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Trường Viễn Đông Bác cổ*. Tạp chí *Xưa và Nay*, số 78B (8-2000), tr. 35.
- (5). Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp. *90 năm nghiên cứu về văn hoá và lịch sử Việt Nam*, Nxb, Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr. 119.
- (6). Trần Duy. *EFEO - Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp*, sdd, tr. 6.

QUAN HỆ THƯƠNG MẠI CỦA ĐÀNG TRONG...

(Tiếp theo trang 45)

CHÚ THÍCH

- (1), (23), (24), (25). Nguyễn Văn Kim, *Xứ Đảng Trong trong các mối quan hệ và tương tác quyền lực khu vực*, trong cuốn *Khoa học xã hội Nam Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007, tr. 173, 180, 181, 176, 175.
- (2), (5), (6), (8), (9), (16), (18), (19), (22). Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Viện sử học dịch, Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội, 2007, tr. 295, 294, 296, 278, 291, 292.
- (3), (28). Li Tana, *Xứ Đảng Trong lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỉ 17 và 18*, bản dịch của Nguyễn Nghị, Nxb. Trẻ, 1999, tr. 100, 219.
- (4), (7). Thành Thế Vỹ, *Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỷ XVII-XVIII và đầu thế kỷ XIX*, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1961, tr. 243, 238.
- (10). Đỗ Bang, *Phố cảng vùng Thuận Quảng thế kỉ XVII - XVIII*, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1996, tr. 125.
- (11), (20). Huỳnh Lứa, *Góp phần tìm hiểu vùng đất Nam bộ các thế kỉ XVII, XVIII, XIX*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, tr. 245, 233, 234.
- (12). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 194.
- (13). Trần Kinh Hoà, Tàn quân Trịnh Thành Công thời Thanh sơ di dân vào Nam kì, quyển hạ, rút trong *Tân Á học báo* kỳ 2 quyển 8, tài liệu lưu tại thư viện Khoa học xã hội, Hà Nội, 1968, tr. 44.
- (14), (15), (17), (21). Cristophoro Borri, *Xứ Đảng Trong năm 1621*, Hồng Nhuệ, Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị dịch, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1998, tr. 90, 91, 88, 92, 93.
- (26), (27). Huỳnh Công Bá, *Hiểu thêm về khái niệm "Nam tiến" từ trong công cuộc khai khẩn Thuận Hoá hồi trung thế kỉ*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 4 (323), Trích trong tập *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, năm 2002, lưu tại Thư viện Viện Sử học, tr. 85.